

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Ông Đỗ Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Vạn Vỹ, xã TC, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Vạn Vỹ, xã TC, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là chị Trần Thị L thì: Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã TC vào ngày 06/4/2001. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh S ở thôn Vạn Vỹ, xã TC. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, anh S ít quan tâm đến gia đình. Cuộc sống hàng ngày chủ yếu do chị lo toan, anh S làm công việc đi theo phà, lâu ngày mới về nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, tình cảm xa cách. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn, bố mẹ anh S đều biết nhưng do anh S có quan điểm riêng nên bố mẹ chồng chị cũng không can thiệp được. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc nên từ năm 2018 đến tháng 2 năm 2022 chị đã có vài lần bỏ ra ngoài sinh sống hoặc đi làm ăn xa để vợ chồng cùng suy nghĩ lại nhưng khi vợ chồng về đoàn tụ chẳng được

bao lâu thì lại tiếp tục mâu thuẫn. Tháng 2 năm 2022, chị đã chuyển đến ở nhờ nhà chị gái tại xã TX, huyện ĐP cho đến nay. Từ khi ly thân, anh S chặn số điện thoại của chị nên giữa chị và anh S không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời gian sống ly thân, chị đã suy nghĩ kỹ và thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn S có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 2002; Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 30/9/2009. Hiện nay 03 cháu đang ở cùng anh S và bố mẹ anh S ở thôn Vạn Vỹ, xã TC. Cháu Nguyễn Văn Th đã đủ 18 tuổi và có công việc tự nuôi sống bản thân. Cháu Nguyễn Thị D tuy đã đủ 18 tuổi nhưng bị thiếu năng trí tuệ bẩm sinh, không có khả năng tự lao động nuôi bản thân và hiện đang được nhà nước trợ cấp với mức 660.000 đồng/ tháng. Khi ly hôn, chị đề nghị giải quyết để cho anh S nuôi dưỡng cháu D và cháu U vì công việc và thu nhập của chị không ổn định. Chị không có chỗ ở riêng, đang phải đi ở nhờ nên chị không có điều kiện thuận lợi để chăm sóc và nuôi dưỡng các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện cấp dưỡng đề cùng với anh S nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Cháu D và cháu U mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho anh S biết để đến Tòa hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S đều vắng mặt. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh S để ghi lời khai nhưng đều không gặp được anh S nên Tòa án không ghi nhận trực tiếp được ý kiến của anh S.

Bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn S là ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Ông, bà chung sống cùng với vợ chồng anh S, chị L từ khi anh chị mới lấy nhau. Quá trình sống chung, từ khoảng năm 2018 ông bà thấy anh chị có nhiều mâu thuẫn. Ngày 14/2/2022, chị L đã đi khỏi nhà và không quay về nữa. Từ đó, ông, bà thay chị chăm sóc các con của anh chị. Hiện nay, anh S đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về và vẫn gửi tiền cho ông bà để nuôi các con. Khi Tòa án gửi các thông báo cho anh S yêu cầu đến Tòa làm việc thì ông bà có nhận được và có điện thoại báo cho anh S biết nhưng anh S có nói với ông, bà là anh chị không thể ở với nhau được nữa, đề nghị Tòa án cho ly hôn và giao tất cả 03 con cho anh S nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con tùy chị L, anh S không đòi hỏi gì. Anh, chị cũng không có tài sản gì chung với nhau.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh S, để anh S nuôi con chung, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng và không đề nghị giải quyết về tài sản, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S. Về con chung, giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị D và cháu Nguyễn Thị Thu U. Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với anh S mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn S có địa chỉ tại thôn Vạn Vỹ, xã TC, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn S là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 06/4/2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã mở nhiều phiên hòa giải và thông báo đến anh S để tạo cơ hội cho anh, chị hàn gắn tình cảm nhưng anh S đều không đến. Bố, mẹ của anh S là những người cùng chung sống với vợ chồng anh, chị từ khi anh chị mới kết hôn cho đến khi anh, chị sống ly thân cũng cho biết trong cuộc sống giữa anh S và chị L có nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ đánh giá mâu thuẫn giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 2002; Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 30/9/2009.

Cháu Nguyễn Văn Th đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng đối với anh S và chị L.

Đối với cháu Nguyễn Thị D đã đủ 18 tuổi nhưng là người bị khuyết tật bẩm sinh được nhà nước trợ cấp hàng tháng, không có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân và cháu Nguyễn Thị Thu U chưa thành niên hiện đang sinh sống cùng với anh S và bố, mẹ anh S.

Nhận thấy, từ khi chị L rời khỏi nhà, cháu D và cháu U vẫn ở cùng nhà với bố và ông, bà nội, vẫn được chăm sóc đầy đủ. Cháu U có nguyện vọng được ở với bố và các anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc thay đổi môi trường sống hiện tại của các cháu là không cần thiết để tránh cho các cháu những xáo trộn về tâm lý. Bản thân chị L cũng thừa nhận chị không có chỗ ở ổn định, công việc lao động tự do thu nhập không cao, không đảm bảo điều kiện nuôi con nên chị tự nguyện đồng ý để anh S được quyền nuôi cháu D, cháu U và chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng với anh S mỗi tháng 1.000.000 đồng/ một cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D và cháu U, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị D và cháu Nguyễn Thị Thu U cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 6 năm 2023. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu U mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[4]. Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình chồng: Chị Trần Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L đối với anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S.
2. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 2002; Nguyễn Văn Th, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 30/9/2009.

Giao cháu Nguyễn Thị D cho anh Nguyễn Văn S nuôi cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giao cháu Nguyễn Thị Thu U cho anh Nguyễn Văn S nuôi cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị D mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời điểm chị Trần Thị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu U mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời điểm chị Trần Thị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003084 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Chị Trần Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- UBND xã TC, huyện ĐP, TP Hà Nội (Số Đăng ký 20 ngày 06/4/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà